

Số: 108/QĐ-THADS

Sơn La, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 242/TB-CQLTHADS ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Cục quản lý Thi hành án dân sự xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2025 cho đơn vị Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo mẫu biểu đính kèm.

Điều 2. Hình thức và thời gian công khai

Niêm yết công khai tại bảng tin thông báo của Thi hành án dân sự tỉnh, thời gian niêm yết: 90 ngày kể từ ngày ký quyết định này.

Đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị tại địa chỉ:
<https://thads.moj.gov.vn/sonla/trang-chu.html>

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Thi hành án dân sự tỉnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban KHTC - Cục QLTHADS (b/c);
- Bảng thông báo của đơn vị;
- Trang TTĐT của THADS tỉnh;
- Lưu: VT, TC-KT (Y03b).

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Nguyễn Văn Duyệt

QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.585,893	1.585,893		
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí	1.585,893	1.585,893		
	Phí Thị hành án dân sự	1.585,893	1.585,893		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại (Phí THADS được khấu trừ để lại + điều hòa phí)	3.261,396	3.261,396		
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	3.261,396	3.261,396		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.261,396	3.261,396		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	396,453	396,453		
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí	396,453	396,453		
	Phí Thị hành án dân sự	396,453	396,453		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	79.930,733	79.879,273	- 4,560	
I	Nguồn ngân sách trong nước	79.771,005	79.719,545	- 4,560	
1	Chi quản lý hành chính	79.724,105	79.672,645	- 4,560	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	26.641,088	26.641,088		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	53.036,117	53.031,557	- 4,560	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp Bộ				

26

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	- Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	46,9	46,9		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	46,9	46,9		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
IV	Nguồn hoạt động khác được để lại	159,728	159,728		
1	Nguồn bỏ cọc	159,728	159,728		

2/2